

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Số: 1079/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Giang, ngày 16 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu Khu tái định cư Hồ Suối Lớn,
đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, tỷ lệ 1/2000**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024;

Căn cứ Nghị Quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về một số phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 948/QĐ-TTg ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về giao nhiệm vụ chuẩn bị các điều kiện và thực hiện một số biện pháp để triển khai nhanh các dự án phục vụ Hội nghị APEC 2027 tại thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang);

Căn cứ Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 09/4/2025 của UBND tỉnh về việc xác định các khu vực có ý nghĩa quan trọng trên địa bàn thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Kiên Giang (trước sáp nhập) thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang đến năm 2040 (đề án Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 theo Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024);

Căn cứ Kế hoạch 164/KH-UBND ngày 20/5/2025 của UBND tỉnh Tổ chức lập quy hoạch phân khu các khu vực có ý nghĩa quan trọng trên địa bàn thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh Tổ chức triển khai thực hiện các dự án phục vụ Hội nghị APEC 2007 tại đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang theo Quyết định số 948/QĐ-TTg ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu Khu tái định cư Hồ Suối Lớn, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, tỷ lệ 1/2000;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2061/TTr-SXD ngày 09/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu Khu tái định cư Hồ Suối Lớn, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, tỷ lệ 1/2000, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi ranh giới, diện tích lập quy hoạch

Phạm vi ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch: tại khu phố Suối Lớn, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, được xác định như sau:

- + Phía Bắc giáp : đất rừng phòng hộ;
- + Phía Đông giáp : đất rừng phòng hộ và đất quốc phòng;
- + Phía Nam giáp : đất quốc phòng;
- + Phía Tây giáp : đường ĐT973.

- Diện tích lập quy hoạch khoảng 30,15 ha. Trong đó:

- + Đất xây dựng khu tái định cư khoảng 29,08 ha.
- + Đất thuộc lộ giới quy hoạch đường ĐT.973 khoảng 1,02 ha.

2. Mục tiêu lập quy hoạch

- Nhằm cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được phê duyệt Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 15/08/2025 của UBND tỉnh) và quy hoạch chung đã được phê duyệt (tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 22/08/2025 của UBND tỉnh); làm cơ sở để thực hiện danh mục các dự án phục vụ hội nghị APEC 2027 tại Quyết định 948/QĐ-TTg ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Bố trí khu tái định cư cho người dân bị giải tỏa do xây dựng các công trình phục vụ Hội nghị APEC.

- Làm cơ sở pháp lý lập quy hoạch chi tiết, lập các dự án đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

3. Tính chất

Là khu tái định cư phục vụ Hội nghị APEC và nhu cầu tái định cư trên địa bàn đặc khu Phú Quốc.

4. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật

4.1. Chỉ tiêu cơ bản về dân số

Dự báo sau khi hoàn thành khu vực quy hoạch có thể đáp ứng khả năng phục vụ khoảng 5.000 người, tái định cư cho khoảng 1.500 hộ dân.

4.2. Chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất

- Đất ở tái định cư dạng nhà liền kề không thấp hơn 15m²/ người và không vượt quá 40m²/người (theo quy hoạch chung được phê duyệt tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ đối với đất đơn vị ở mới). Đất ở tái định cư dạng nhà chung cư không thấp hơn 15m²/ người và không vượt quá 38m²/người (theo quy hoạch chung được phê duyệt tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ đối với đất đơn vị ở mới mật độ cao).

- Các chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất và hạ tầng xã hội sẽ được cụ thể hoá trong bước lập quy hoạch chi tiết và phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung đã được phê duyệt (tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 22/08/2025 của UBND tỉnh), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng hiện hành (QCVN 01:2021/BXD) và các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

4.3. Chỉ tiêu cơ bản về hạ tầng kỹ thuật

- Cấp nước:

+ Sinh hoạt: 170 lít/người/ngày.

- + Công trình công cộng và dịch vụ: tối thiểu 2 lít/m² sàn/ngày.
- + Phòng cháy chữa cháy: 15 l/s, số lượng đám cháy xảy ra đồng thời là 02 trong 3 giờ
- Cấp điện:
- + Sinh hoạt : 700W/người.
- + Công trình công cộng, dịch vụ : 20-30 W/m² sàn.
- Tỷ lệ thu gom nước thải sinh hoạt : 100% lượng nước cấp.
- Lượng thải chất thải rắn sinh hoạt : 1,3 kg/người-ngày.
- Thông tin liên lạc: 100 thuê bao/100 dân.

5. Cơ cấu sử dụng đất

Tổng diện tích khu vực lập quy hoạch khoảng 30,15ha, được cơ cấu sử dụng đất như sau:

Stt	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất Nhóm nhà ở	14,79	50,86
2	Đất y tế	0,12	0,42
3	Đất Văn hoá - Thể dục thể thao	0,58	2,00
4	Đất Giáo dục	1,50	5,17
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	2,50	8,59
6	Đất dịch vụ	0,87	2,99
7	Đất Quảng trường	0,48	1,66
8	Đất giao thông	7,66	26,34
9	Đất Bãi đỗ xe	0,38	1,29
10	Đất Hạ tầng kỹ thuật	0,20	0,69
Tổng diện tích (không bao gồm giao thông đối ngoại)		29,08	100
Đất giao thông đối ngoại (đường ĐT.973)		1,07	
Tổng cộng		30,15	

6. Chỉ tiêu sử dụng đất

Stt	Chức năng	Kí hiệu	Diện tích (Ha)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao tối đa (Tầng)	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Dân số (Người)
1	Đất Nhóm nhà ở		14,79	50-90	5-7	3,50-4,5	5.000
1.1	Đất Nhóm nhà ở hiện hữu chỉnh trang	OHH	3,41	90*	5	4,50	647

Stt	Chức năng	Kí hiệu	Diện tích (Ha)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao tối đa (Tầng)	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Dân số (Người)
		OHH-01	1,14	90*	5	4,50	215
		OHH-02	1,01	90*	5	4,50	192
		OHH-03	1,26	90*	5	4,50	240
1.2	Đất Nhóm nhà ở liền kề	OLK	9,56	90*	5	4,50	2.273
		OLK-01	2,28	90*	5	4,50	543
		OLK -02	2,10	90*	5	4,50	500
		OLK -03	0,45	90*	5	4,50	107
		OLK -04	1,57	90*	5	4,50	373
		OLK -05	1,60	90*	5	4,50	380
		OLK -06	1,56	90*	5	4,50	370
1.3	Đất Nhóm nhà ở chung cư	OCC	1,82	50**	7	3,50	2.080
2	Đất y tế	YT	0,12	40	1-3	1,20	
3	Đất Văn hoá - Thể dục thể thao	VT	0,58	25	1-3	0,75	
4	Đất Giáo dục	GD	1,50	40	1-3	1,20	
4.1	Trường mầm non	MN	0,48	40	1-3	1,20	
4.2	Trường tiểu học	TH	0,62	40	1-3	1,20	
4.3	Trường trung học cơ sở	TC	0,40	40	1-3	1,20	
5	Đất cây xanh	CX	2,50	5	1	0,05	
5.1	Đất cây xanh 01	CX-01	1,19	5	1	0,05	
5.2	Đất cây xanh 02	CX-02	0,34	5	1	0,05	
5.3	Đất cây xanh 03	CX-03	0,37	5	1	0,05	
5.4	Đất cây xanh 04	CX-04	0,17	5	1	0,05	
5.5	Đất cây xanh 05	CX-05	0,16	5	1	0,05	
5.6	Đất cây xanh 06	CX-06	0,08	5	1	0,05	
5.7	Đất cây xanh 07	CX-07	0,18	5	1	0,05	
6	Đất dịch vụ	DV	0,87	70	9	6,30	
6.1	Đất dịch vụ 01	DV-01	0,46	70	9	6,30	
6.2	Đất dịch vụ 02	DV-02	0,41	70	9	6,30	
7	Đất Quảng trường	QT	0,48	-	-	-	
8	Đất giao thông	GT	7,66	-	-	-	
9	Đất Bãi đỗ xe	BX	0,38	-	-	-	
9.1	Đất Bãi đỗ xe 01	BX-01	0,20	-	-	-	
9.2	Đất Bãi đỗ xe 02	BX-02	0,18	-	-	-	

Stt	Chức năng	Kí hiệu	Diện tích (Ha)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao tối đa (Tầng)	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Dân số (Người)
10	Đất Hạ tầng kỹ thuật	HT	0,20	25	1	0,25	
10.1	<i>Đất Hạ tầng kỹ thuật 01</i>	<i>HT-01</i>	<i>0,10</i>	25	1	0,25	
10.2	<i>Đất Hạ tầng kỹ thuật 02</i>	<i>HT-02</i>	<i>0,10</i>	25	1	0,25	
Tổng diện tích (không bao gồm giao thông đối ngoại)			29,08				
Đất giao thông đối ngoại (đường ĐT.973)			1,07				
Tổng cộng			30,15				

Ghi chú:

(*): Mật độ xây dựng đối với từng lô đất sẽ cụ thể trong bước lập quy hoạch chi tiết và phải được tính toán đảm bảo theo quy định tại Bảng 2.8 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng hiện hành (QCVN 01:2021/BXD).

(**): Mật độ xây dựng đối với từng lô đất sẽ cụ thể trong bước lập quy hoạch chi tiết và phải được tính toán cụ thể đảm bảo theo quy định tại Bảng 2.9 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng hiện hành (QCVN 01:2021/BXD).

7. Quy hoạch không gian ngầm

- Quy định về tầng hầm tại khu vực lập quy hoạch như sau:

+ Khu nhà ở hiện hữu chính trang (OHH): tầng cao tối đa 5 tầng và tầng hầm tối đa 1 tầng.

+ Khu nhà ở liên kề (OLK): tầng cao tối đa 5 tầng và tầng hầm tối đa 1 tầng.

+ Khu nhà ở chung cư (OCC): tầng cao tối đa 7 tầng và tầng hầm tối đa 1 tầng.

+ Khu dịch vụ (DV): tầng cao tối đa 9 tầng và tầng hầm tối đa 2 tầng.

- Nghiên cứu ngầm hoá các hệ thống hạ tầng kỹ thuật và khuyến khích phát triển các công trình giao thông ngầm nhưng phải đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển không gian ngầm của quy hoạch chung được duyệt và đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn về quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD), các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và các quy định pháp khác có liên quan.

8. Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan

- Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan khu tái định cư theo hướng hiện đại, bền vững và hài hòa với không gian cảnh quan của khu vực xung quanh.

- Hình thành các nhóm nhà ở tái định cư với các loại hình nhà ở liên kề, nhà ở chung cư để cung cấp đa dạng các nhu cầu tái định cư trên địa bàn đặc

khu Phú Quốc. Bố trí các công trình dịch vụ công cộng của đơn vị ở như y tế, văn hóa, giáo dục,.. ở các vị trí thuận lợi để cư dân tiếp cận. Bổ sung các khu dịch vụ để cung cấp các dịch vụ thiết yếu khác (Như: thương mại, tài chính, bưu chính,...) cho khu tái định cư.

- Các trục đường D1A, D3, D6 và D7 đóng vai trò là trục không gian chính kết nối khu quy hoạch với các khu vực xung quanh.

- Tổ chức không gian khu vực lập quy hoạch thành 03 khu vực như sau:

- + Khu công cộng - dịch vụ: Các công trình công cộng hạ tầng xã hội phục vụ cho đơn vị ở được bố trí ở trung tâm hạt nhân và trục không gian chính trên cơ sở tính toán cân đối với các nhóm nhà ở trong khu vực nghiên cứu bao gồm: Trường học (mầm non, tiểu học), trạm y tế, trung tâm văn hóa – thể thao, siêu thị dịch vụ.

- + Khu nhà ở: Nhà ở hiện hữu chỉnh trang dọc theo đường tỉnh ĐT973; là khu nhà ở cải tạo trên nguyên tắc khuyến khích tái phát triển, chỉnh trang kiến trúc công trình, dãy phố nhằm nâng cao bộ mặt mỹ quan đô thị. Nhà ở thấp tầng dọc theo các trục đường chính và đường nội bộ là nhà ở xây dựng mới, mật độ cao được xây dựng theo dạng nhà liền kề, kết hợp các lô đất lại thành các lô lớn hơn để tạo sự đa dạng về khối tích công trình tạo thành những dãy phố hài hòa và sinh động. Nhà ở chung cư bố trí ở phía Đông khu quy hoạch; là khu chung cư xây dựng mới với vườn hoa, sân chơi, và các tiện ích công cộng khác để phục vụ đời sống cư dân. Hình khối, kiến trúc của các tòa nhà chung cư, đảm bảo tính thẩm mỹ và hài hòa với cảnh quan chung.

- + Khu trung tâm: Khu vực trung tâm với lõi không gian mở, hình thành các không gian công cộng, quảng trường, không gian đi bộ, giải trí, thể dục thể thao, cây xanh, mặt nước có hình thức kiến trúc đặc trưng với kiến trúc mới, hiện đại; kiến trúc nhỏ mang tính biểu tượng, điêu khắc và trang trí gắn kết với ngôn ngữ hình khối chung của khu vực.

- Tổ chức không gian kiến trúc được tổ chức trên cơ sở tổng thể không gian và yêu cầu của từng loại công trình để tạo được công trình kiến trúc phù hợp, hài hòa thân thiện với cảnh quan toàn khu vực.

- Giải pháp thiết kế được thể hiện cụ thể trong bản đồ tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan và các bản vẽ quy định về việc kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan trong khu vực lập quy hoạch.

9. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

9.1. Giao thông

Mạng lưới đường trong toàn khu quy hoạch được thiết kế theo nguyên tắc đảm bảo kết nối với mạng giao thông đối ngoại, tạo thành mạng lưới hoàn chỉnh, tạo điều kiện sử dụng các lô đất hiệu quả nhất. Mạng lưới giao thông bao gồm:

- Đường trục chính bao gồm các tuyến đường D1A, D3, D6 và D7 có lộ giới rộng 22m, mặt đường rộng 12m, vỉa hè mỗi bên rộng 5m.

- Đường nhóm nhà ở bao gồm các tuyến đường D1, D1B, D2, D3A, B3B, D4, D5, D8, D9, D9A, D10, D11, D12 có lộ giới rộng 15m, mặt đường rộng 7m, vỉa hè mỗi bên rộng 4m.

- Giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống giao thông, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng

- Các tuyến đường giao thông có lộ giới theo bản vẽ quy hoạch.

- Trong khu quy hoạch, các bãi đậu xe được bố trí xen kẽ trong các đơn vị ở làm đầu mỗi giao thông nội bộ khu vực. Kết hợp các trạm sạc để phục vụ các phương tiện xe điện trong tương tại.

9.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

a) Cao độ san nền

- Khu vực quy hoạch được san nền dựa trên các tài liệu khảo sát địa hình và chế độ thủy văn, đồng thời tuân thủ tuân thủ cao độ nền khống chế theo Đồ án Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 được phê duyệt tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời bám theo cao độ thiết kế của tuyến đường ĐT.973 nhằm đảm bảo khả năng đầu nổi.

- Hướng dốc san nền chính của khu vực quy hoạch theo hướng dốc chủ đạo của địa hình tự nhiên.

b) Thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế mới và riêng biệt với nước thải sinh hoạt, nước mưa thu về các tuyến cống chính chạy dọc theo tuyến đường giao thông rồi thoát về, sau đó đầu nổi thoát vào hệ thống thoát nước chung trên đường ĐT 973.

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng.

9.3. Cấp nước

- Nguồn nước: dự kiến đầu nổi với tuyến ống cấp nước hiện trạng trên đường ĐT.973.

- Mạng lưới cấp nước cho khu vực được thiết kế theo mạng vòng sử dụng các tuyến ống truyền dẫn, phân phối. Các tuyến ống cấp nước được bố trí trên vỉa hè đảm bảo cấp nước tới từng khu chức năng và chữa cháy khi cần thiết.

- Chữa cháy: Nước cấp cho xe cứu hỏa được lấy từ các trụ chữa cháy dọc đường. Khoảng cách giữa các họng cứu hỏa được xác định theo quy định, quy phạm hiện hành. Nguồn nước cứu hỏa được lấy từ đường ống cấp nước trong khu vực quy hoạch đảm bảo theo quy định.

- Tổng nhu cầu dùng nước: dự kiến khoảng 1.741 m³/ngđ.

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước.

9.4. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Thoát nước thải

- Hệ thống thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thoát nước mưa, nước thải được xử lý cục bộ tại các công trình bằng bể tự hoại, thu gom bằng các tuyến cống dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung khu vực; nước thải trong khu quy hoạch. Nước thải sau khi xử lý đạt chất lượng đảm bảo theo tiêu chuẩn, quy chuẩn QCVN 14:2025/BTNMT trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Lưu lượng thoát nước thải tính bằng 100% tiêu chuẩn cấp nước (không bao gồm tưới cây, rửa đường, PCCC, rò rỉ).

- Tổng lưu lượng nước thoát: dự kiến khoảng 1.100 m³/ngđ.

- Trên mạng lưới đường phố đặt các tuyến cống thoát nước thải riêng, cống tự chảy dùng cống tròn HDPE 2 vách, đặt dưới vỉa hè. Các tuyến này đặt đảm bảo thu được nước thải của tất cả các đối tượng thải nước 2 bên đường.

- Phương án thoát nước và xử lý nước thải là dự kiến và sẽ được cụ thể hóa ở các bước tiếp theo đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan theo quy định.

- Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định, được tái sử dụng cho mục đích sản xuất, tưới cây, rửa đường

b) Vệ sinh môi trường

- Rác thải sinh hoạt sau khi được thu gom về điểm thu gom chất thải rắn (được bố trí tại khu vực phía Bắc khu quy hoạch) được vận chuyển về các cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn đặc khu Phú Quốc theo quy hoạch chung được duyệt.

- Tổng nhu cầu xử lý chất thải rắn khoảng 6,5 tấn/ngày đêm.

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

9.5. Cấp điện và chiếu sáng

- Nguồn điện cấp cho khu vực quy hoạch được lấy từ trạm biến áp 110kv/220kV Bãi Trường 1x63MVA có các xuất tuyến trung thế nổi 22kv hiện hữu đi trên đường tỉnh ĐT973 ngang phía trước khu vực quy hoạch, dự kiến đấu nối vào tuyến dây này để cấp điện cho dự án.

- Tổng nhu cầu sử dụng điện khoảng 11.021kVa.

- Mạng lưới cấp điện và chiếu sáng được bố trí ngầm. Sử dụng đèn Led tiết kiệm điện năng thân thiết với môi trường.

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống cung cấp năng lượng và chiếu sáng.

9.6. Thông tin liên lạc

- Nguồn cung cấp lấy từ mạng viễn thông và các tuyến cáp chính trên đường tỉnh ĐT 973 kết nối với các tủ phân phối thuộc khu vực quy hoạch.

- Tổng nhu cầu thông tin liên lạc cho toàn khu khoảng: 6.358 thuê bao.

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết được thể hiện trong bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc.

10. Biện pháp bảo vệ môi trường

Được thể hiện trong bản vẽ đánh giá môi trường chiến lược và thuyết minh đồ án đảm bảo theo các quy định hiện hành

11. Những hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực để thực hiện

11.1. Những hạng mục ưu tiên đầu tư

Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung (san lấp, giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải,...) đồng bộ, hoàn chỉnh, đảm bảo đáp ứng yêu cầu tái định cư theo quy định hiện hành.

11.2. Nguồn lực để thực hiện

Từ nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của Quyết định số 948/QĐ-TTg ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với Công ty TNHH Xây dựng Kiên Thành, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, UBND đặc khu Phú Quốc và các sở, ngành có liên quan: Hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố công khai Quy hoạch phân khu Khu tái định cư Hồ Suối Lớn, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, tỷ lệ 1/2000; Lập, phê duyệt hồ sơ mốc giới, triển khai cắm mốc theo quy hoạch được duyệt ngoài thực địa để các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan biết và giám sát thực hiện; Tổ chức quản lý không gian kiến trúc cảnh quan, sử dụng đất, hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Du lịch, Văn hoá và Thể thao; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu Phú Quốc; Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng (10b);
- Công báo tỉnh, Website An Giang;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT, lqkhanh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Công Thức